

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 79/2018/HSST
Ngày: 27/12/ 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Khả và bà Đào Thị Ngâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Diễm Anh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 27 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2018/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Thị Kim T, sinh ngày 11/02/1998; nơi ĐKTT: đường Nguyễn T, phường Y, thành phố T, tỉnh Phú Yên; hiện cư trú: khu phố N, phường L, thành phố T, tỉnh Phú Yên; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Thu T, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị Thu N, sinh năm 1975; chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm 1987; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015 (đến năm 2016 đã làm thủ tục cho con nuôi), con nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Bùi Thị H, sinh năm 1987; nơi ĐKTT: Khu K, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở: đường L, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trương Văn C, sinh năm 1961; nơi cư trú: khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

* *Người làm chứng:*

1. Bà Phan Thị N, sinh năm 1963; nơi cư trú: khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

2. Chị Bùi Phương H, sinh năm 1996; nơi cư trú: đường N, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

3. Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 20/7/2018, Trần Thị Kim T điều khiển xe mô tô hiệu Chaly biển số 78-133PQ đi từ nhà bà ngoại là Phan Thị N ở khu phố N, Phường C, thành phố T đến phòng trọ số 5 của T ở đường L, Phường X, thành phố T để lấy đồ. Khi đi ngang qua phòng trọ số 3 của chị Bùi Thị H thấy cửa sổ khép hờ, trong phòng mở đèn ngủ, dưới nền nhà có 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7, màu đỏ đang sạc pin. Lợi dụng lúc vợ chồng chị H đang ngủ, T dùng tay phải kéo sợi dây điện có kết nối dây sạc điện thoại với điện thoại lại gần cửa sổ rồi lấy điện thoại bỏ vào túi áo khoác điều khiển xe về nhà bà N. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, T dùng điện thoại hiệu Oppo F1S của bà N đăng nhập vào tài khoản Facebook của T tên “Nguyễn Trần Gia Huy” nhắn tin với người có tài khoản Facebook “Tran Van Chung” (không rõ lai lịch) hỏi bán điện thoại Oppo F7 thì người này đồng ý mua với giá 4.000.000đ. Đến khoảng 05 giờ 10 phút cùng ngày, T đem điện thoại đến ngã tư đường G – đường E thuộc Phường F, thành phố T bán cho một người thanh niên (không rõ lai lịch) được 4.000.000đ, lấy tiền trả nợ.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 12/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7, màu đỏ (đã qua sử dụng) trị giá: 5.500.000đ.

Vật chứng vụ án: Tạm giữ và đã trả lại cho chủ sở hữu: Xe mô tô hiệu Chaly biển số 78-133PQ.

Cáo trạng số 71/CT-VKS ngày 28/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân TP. Tuy Hòa đã truy tố bị cáo Trần Thị Kim T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo trình bày diễn biến hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố; tỏ ra ăn năn hối cải. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo đã bồi thường cho bị hại 2.000.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất tiếp tục bồi thường theo yêu cầu của bị hại 3.000.000đ nhưng bị cáo xin cho trả dần trong thời hạn 02 tháng. Bị cáo có 02 con nhỏ nhưng chồng bỏ đi, một mình bị cáo không có khả năng nuôi 02 con nhỏ nên phải cho cháu lớn cho người khác nuôi còn bị cáo nuôi cháu nhỏ. Do đó, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo đi làm có tiền trả cho bị hại và nuôi con nhỏ.

- Bị hại Bùi Thị H trình bày: Chị bị mất 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ được định giá trị là 5.500.000đ. Bị cáo mới bồi thường được 2.000.000đ còn nợ lại 3.500.000đ và viết giấy nợ hẹn 02 tháng sẽ trả. Tại phiên tòa chị H trình bày do thấy bị cáo hoàn cảnh khó khăn nên chị giảm số tiền bồi thường 500.000đ nên chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 3.000.000đ thời hạn trả trong vòng 01 tháng chứ không đồng ý thời hạn trả 02 tháng. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hưởng án treo để có điều kiện nuôi con nhỏ và trả nợ cho chị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội và đề nghị: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Thị Kim T về tội danh Trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Bùi Thị H 3.000.000đ. Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thủ tục tố tụng từ khi khởi tố điều tra, truy tố đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định; tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên không nhận xét.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ ngày 20/7/2018, tại phòng trọ số 03 ở đường L, phường X, thành phố T của chị Bùi Thị H, bị cáo Trần Thị Kim T có hành vi lấy trộm chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ của chị Bùi Thị H trị giá 5.500.000đ. Hành vi của bị cáo Trần Thị Kim T đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội: Bị cáo đã lợi dụng thời điểm trời tối, người bị hại ngủ say, cửa sổ khép hờ nên dùng tay phải kéo sợi dây điện có kết nối dây sạc điện thoại với điện thoại lại gần cửa sổ lấy trộm điện thoại có giá trị 5.500.000đ là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu và trật tự trị an ở địa phương nhưng giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội không cao.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bồi thường được một phần thiệt hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng cho bị cáo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về đặc điểm nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có hoàn cảnh khó khăn, là phụ nữ một mình nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về dân sự: Tài sản trộm cắp là điện thoại di động hiệu OPPO F7 không thu hồi được có giá trị 5.500.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đều thống nhất bị cáo đã bồi thường 2.000.000đ và phải tiếp tục bồi thường 3.000.000đ là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên nên ghi nhận, buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại 3.000.000đ.

[8] Xe mô tô hiệu Chaly biển số 78 -133PQ thuộc quyền sở hữu của ông Trương Văn C; bị cáo tự ý lấy đi dùng vào việc phạm tội nhưng ông C không biết; ông C đã nhận lại chiếc xe mô tô và không có ý kiến gì nên không xét.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và bồi thường dân sự nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

+ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 23, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

+ Các Điều 584, 585; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Kim T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Kim T: 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Thị Kim T cho Ủy ban nhân dân Phường L, thành phố T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thị Kim T phải bồi thường cho bị hại Bùi Thị H số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bị cáo Trần Thị Kim T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Công an TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Xuân Thu

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 9, TP. Tuy Hòa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong thời gian giám sát, giáo dục bị cáo.